

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 1671/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 11 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thạch Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1419/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 524/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 678/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 163 đường Đ, Tổ 3, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thanh V, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 63/8/12, Tổ 4, ấp B, xã T1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: Số 163 đường Đ, Tổ 3, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Thanh V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V không còn quan tâm, yêu thương vợ con, không chăm lo gia đình. Bà đã chịu đựng và khuyên ông V nhiều lần để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông V vẫn không thay đổi. Nay bà T xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn

nhân với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung tên Võ Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/9/2005 và Võ Nguyễn Thanh S, sinh ngày 26/6/2012. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông V thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V; về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/9/2005 và Võ Nguyễn Thanh S, sinh ngày 26/6/2012, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/11/2020, bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Võ Thanh V, ông bà có 02 con chung tên Võ Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/9/2005 và Võ Nguyễn Thanh S, sinh ngày 26/6/2012, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Võ Thanh V cư trú tại Số 163 đường Đ, Tổ 3, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Võ Thanh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thanh V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyền số 01/005 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2005, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của Bà T, bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau năm 2005. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V không còn quan tâm, yêu thương vợ con, không chăm lo gia đình. Bà đã chịu đựng và khuyên ông V nhiều lần để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông V vẫn không thay đổi. Nay Bà T xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Xét ông V không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy ông V không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với Bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp để giải quyết vụ án. Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận bà T được ly hôn với ông V là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà T và ông V có 02 con chung tên Võ Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/9/2005 và Võ Nguyễn Thanh S, sinh ngày 26/6/2012. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu Võ Nguyễn Yến N và Võ Nguyễn Thanh S hiện đang sống cùng bà T. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 16/6/2022, 15/8/2022 cháu N và cháu S trình bày ý kiến muốn sống chung với bà T, để ổn định tâm lý và việc học của cháu N, cháu S, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N và cháu S cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà T, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này bà T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có.

Ông Võ Thanh V vắng mặt tại phiên tòa nên ông V có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[7] Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích T về việc cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thanh V.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/005 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2005 cho bà T và ông V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà T và ông V có 02 (hai) con chung tên Võ Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/9/2005 và Võ Nguyễn Thanh S, sinh ngày 26/6/2012.

Giao 02 con chung tên Võ Nguyễn Yến N và Võ Nguyễn Thanh S cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc tạm thời không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0085268 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thạch Vũ